

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 171/2019/HC-PT  
Ngày 14 tháng 9 năm 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý nhà nước  
về đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Điền

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thanh Liêm  
Bà Lê Thúy Cầu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 164/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 4 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định về việc thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái cư khi Nhà nước thu đất; giải quyết khiếu nại và quyết định cưỡng chế thu hồi đất”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1407/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông **Tô Kim K**, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 7/3 N, Tổ 2 D, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

**2. Người bị kiện:**

**2.1. Ủy ban nhân dân thành phố N**

**2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N**

*Người đại diện theo Ủy quyền của người bị kiện:* Ông **Nguyễn Sỹ K**, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N (Văn bản ủy quyền số 4471/UBND-TNMT ngày 23/6/2020; có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

- Bà Hồ Thị H, Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Diệu H, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn Q, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch tổng hợp - Ban quản lý dự án các công trình xây dựng giao thông tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Tô Thị Thu N,

3.2. Anh Tô Kim N1,

3.3. Chị Tô Kim K N2,

3.4. Ông Tô Hùng K1,

3.5. Bà Nguyễn Thị T,

3.6. Chị Tô Nguyễn T K

3.7. Cháu Tô Đức Khải (*Người đại diện hợp pháp của cháu Khải: Ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T*)

Cùng địa chỉ: phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (đều vắng mặt).

**4. Người kháng cáo:** Ông Tô Kim K (là người khởi kiện).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/8/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Tô Kim K trình bày:*

Ngôi nhà trên thửa đất số 174, tờ bản đồ số 2, diện tích 45,9 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 7/3 N, Tổ 2 D, phường X, thành phố N là của cụ Tô Văn T và cụ Đoàn Thị C (là cha mẹ ông K) tạo dựng vào khoảng năm 1967 có kết cấu: nhà 2 tầng, tường gạch chịu lực, sàn gỗ, nền lát gạch hoa, cửa gỗ + sắt, trần gỗ ván, mái lợp tole, tường quét vôi, nhà vệ sinh hoàn chỉnh, giếng nước và một số công trình khác. Năm 1994 và 1995, cụ T và cụ C chết không có di chúc, để lại ngôi nhà nêu trên cho các con của các cụ là hộ gia đình ông Tô Kim K (sổ hộ khẩu số: 330035639) và hộ gia đình ông Tô Hùng K1 (sổ hộ khẩu số: 1006) gồm 12 nhân khẩu quản lý, sử dụng (sau đây viết tắt là: gia đình ông K, ông K1).

Với lý do thực hiện Dự án Chính trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X), Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố N đã ban hành các quyết định:

- Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) đang sử dụng để thực hiện Dự án (sau đây viết tắt là Quyết định số 3600/QĐ-UBND).

- Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) có đất bị thu hồi thuộc Dự án (sau đây viết tắt là Quyết định số 3634/QĐ-UBND).

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với các trường hợp thuộc Dự án (sau đây viết tắt là Quyết định số 151/QĐ-UBND).

- Quyết định số 11638/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Kim K, ông Tô Hùng K1 và bà Tô Thị Thu N (là người đại diện cho ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết), địa chỉ 7/3 N, tổ 02 D, phường X, thành phố N (lần đầu) (sau đây viết tắt là Quyết định số 11638/QĐ-UBND).

- Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) để thực hiện Dự án (sau đây viết tắt là Quyết định số 1707/QĐ-UBND).

Ông Tô Kim K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định nêu trên, vì cho rằng:

(1) Về lý do thu hồi đất và giá đất bồi thường:

Theo Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh Khánh Hoà về thu hồi đất, chỉnh trang đô thị và xây dựng kè sông Cái (giai đoạn này đã thi công hoàn tất), Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12/11/2012, Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 04/9/2015, Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 và Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 thì UBND tỉnh giao đất từ bờ kè hoàn chỉnh về phía đường N cho Dự án để xây dựng công trình thương mại dịch vụ (nhà ở để bán, cho thuê, người mua nhà được sử dụng đất ổn định lâu dài, đất ở đô thị...). Vì vậy, nhà đầu tư phải thoả thuận giá đất bồi thường với gia đình ông K, ông K1 theo Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố N áp dụng giá đất của Nhà nước để bồi thường là không đúng. Vì theo Luật Đất đai năm 2013, đất thu hồi vì mục đích dịch vụ thương mại thì phải được thoả thuận giá bồi thường với người dân; Điều 3 của Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 quy định: Đất sẽ được điều chỉnh sau khi hoàn tất công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Do đó, UBND thành phố N không để nhà đầu tư thoả thuận giá đất bồi thường với gia đình ông K, ông K1 là không đúng quy định.

(2) Về cử người đại diện: UBND thành phố N cử ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị Thuỷ là người đại diện của gia đình ông K, ông K1 là không đúng. Vì nhà đất tại 7/3 N là di sản thừa kế, cư ngụ tại đây có hai hộ gia đình nhưng trong Quyết định số 3634/QĐ-UBND chỉ trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho vợ chồng ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị Thuỷ là người đại diện là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông K và những người khác trong gia đình.

(3) Những trở ngại hiện nay, UBND thành phố N chưa xem xét:

Khu vực gia đình ông K, ông K1 cư trú ở chưa có hệ thống đấu nối nước thải, chưa có hệ thống cơ sở hạ tầng tối thiểu của khu dân cư. Sau khi xây nhà xong, Dự án thi công (đất bụi công trình xây dựng mù mịt, tiếng ồn của máy thi công, đóng cọc nền...) làm ô nhiễm môi trường và kết cấu nhà của gia đình ông K, ông K1 có

nguy cơ bị ảnh hưởng, rạn nứt, không an toàn... Vì vậy, gia đình ông K, ông K1 đề nghị Ban quản lý Dự án chi tiền để hai hộ gia đình thuê nhà ở ngay sau khi giao đất cho đến khi Dự án thi công xong cơ sở hạ tầng, cốt nền cụ thể rõ ràng, công trình thi công hoàn chỉnh, lúc đó gia đình mới yên tâm tiến hành xây nhà để ở.

Gia đình ông K, ông K1 cần phải có tiền thuê nhà ở trong thời gian Dự án thi công cơ sở hạ tầng, cụ thể: 2 hộ X tiền thuê/hộ/tháng X số tháng thực tế từ khi gia đình ông K, ông K1 giao đất cho Dự án thi công cho đến khi Ban quản lý thi công hoàn tất công trình hạ tầng cơ sở của Dự án.

(4) Tiền bồi thường nhà ở, hỗ trợ tái định cư tính thiếu và quá thấp (32.000.000 đồng tiền đất và khoảng 170.000.000 đồng tiền bồi thường và hỗ trợ): Số tiền này chỉ đủ xử lý nền, không đủ để gia đình ông K, ông K1 xây lại nhà, quyền cư trú của gia đình ông K, ông K1 bị xâm phạm nghiêm trọng.

Theo Quyết định số 3634/QĐ-UBND và Quyết định số 151/QĐ-UBND về bồi thường đất và hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông K, ông K1 đã tính thiếu chi phí bồi thường, cụ thể:

- Tính thiếu 45,9 m<sup>2</sup> xây dựng về tiền bồi thường toàn bộ căn nhà phân thô (nhà hiện tại là 2 tầng);

- Đơn giá bồi thường xây dựng thiếu, không phù hợp: Với đơn giá xây dựng là 3.471.390 đ/m<sup>2</sup>, theo thực tế là mới tính phần xây thô của nhà, vậy còn thiếu 100% tiền phần hoàn thiện nhà (cửa, điện, nước, cầu thang sơn...);

- Gia đình ông K, ông K1 có tài sản cho nhu cầu thiết yếu trên diện tích 90 m<sup>2</sup>, UBND thành phố N chỉ 1.560.000 đ/tháng cho 1 hộ ông K1 còn hộ ông K không có là không đúng. Với số tiền này chỉ thuê được phòng trọ từ 15 m<sup>2</sup> đến 20 m<sup>2</sup> không đủ cho gia đình ông K, ông K1 bảo quản tài sản và bảo đảm đủ chỗ cư trú cho 12 nhân khẩu.

Tiền thuê chỗ ở để chờ Dự án hoàn tất cơ sở hạ tầng: Vì những người trong gia đình ông K, ông K1 không có nơi cư trú nào khác nên sau khi giao đất, gia đình phải ở nhà thuê trong thời gian xây dựng lại nhà.

(5) Tính thiếu, chưa tính chi phí san lấp mặt bằng (thiếu 15.000.000 đồng): Chi phí san lấp mặt bằng đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất. Hiện trạng đất của Dự án cao hơn nền của đường đi, vậy để tránh việc gia đình ông K, ông K1 xây nhà xong, khi trời mưa, nhà sẽ bị ngập úng và hư hại tài sản cần có chi phí về khối lượng đất cần san lấp là: Diện tích nhà X độ cao của nền = số lượng đất cần san lấp; chi phí san lấp mặt bằng: số lượng đất cần san lấp X số xe vận chuyển X đơn giá thuê/xe.

Với tổng số tiền bồi thường đất và nhà theo cách tính của UBND thành phố N thì đủ để gia đình ông K, ông K1 có thể thuê nhà - di chuyển tài sản ra khỏi nhà và đến chỗ thuê nhà để bảo quản tài sản - tháo dỡ toàn bộ căn nhà - vận chuyển xà bần, vật liệu tháo dỡ đi đổ nơi khác - xây lại nhà - dời tài sản về chỗ cũ...; không đủ để gia đình ông K, Ông K1 xây lại nhà sau khi giao đất cho Dự án.

(6) Điều kiện cư trú: Sau khi giao đất cho Dự án, diện tích đất của gia đình ông K, ông K1 còn lại và được phép xây nhà là 28,9 m<sup>2</sup> cư trú cho 12 nhân khẩu

của 2 hộ gia đình là quá chật chội. Vì vậy, gia đình ông K, ông K1 đề nghị UBND thành phố N xét cấp hoặc bán cho gia đình 1 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật (nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 1 thửa đất).

Việc UBND thành phố N tiếp tục ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1707/QĐ-UBND là ép gia đình ông K, ông K1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K nhận được các Quyết định số: 3145/QĐ-UBND, 3146/QĐ-UBND, 3147/QĐ-UBND và 3148/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND thành phố N về việc điều chỉnh họ tên tại các quyết định thu hồi đất với nội dung điều chỉnh từ “ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện)” thành “hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); hộ ông Tô Kim K và hộ ông Tô Hùng K1 (đang quản lý, sử dụng). Các quyết định này chỉ điều chỉnh, bổ sung thêm hộ gia đình ông Tô Kim K là người đang quản lý, sử dụng đất; về bản chất không có gì thay đổi.

Vì vậy, gia đình ông K, ông K1 yêu cầu Tòa án huỷ các Quyết định của UBND thành phố N đã ban hành; yêu cầu UBND thành phố N tính lại chi phí bồi thường và cho gia đình ông K, ông K1 được mua 1 lô đất tái định cư theo giá thị trường, tạo điều kiện để gia đình chấp hành chủ trương giao đất của Nhà nước, đồng thời UBND thành phố N thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ: Điều kiện sống của người dân phải được bằng hoặc hơn trước khi thực hiện dự án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ quan tham gia tố tụng cùng với người khởi kiện đều thống nhất với các ý kiến, yêu cầu của người khởi kiện.

## *2. Ý kiến của người bị kiện:*

Tại Văn bản số 9014/UBND-TNMT ngày 17/12/2018 và quá trình tố tụng, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

### *(1) Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 3600/QĐ-UBND:*

Dự án Chính trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N được triển khai thực hiện theo Thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc giải toả để xây dựng công trình chỉnh trang đô thị, xây dựng kè, đường dọc bờ sông Cái, thành phố N. Trong đó, Khu dân cư Cồn Tân Lập là một tiểu dự án thuộc dự án chỉnh trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31/10/2006 trên cơ sở căn cứ các quyết định:

- Quyết định số 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X, thành phố N;

- Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc thu hồi và Thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc giải toả để xây dựng công trình chỉnh trang đô thị, xây dựng kè, đường dọc bờ sông Cái, thành phố N. Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh Khánh Hoà để thực hiện Dự án;

- Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 phê duyệt dự án đầu tư: chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà. Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31/10/2006 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư: Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà.

Như vậy, các quy định của pháp luật tại thời điểm xây dựng, phê duyệt Dự án, UBND thành phố N xác định thu hồi đất là để sử dụng vào mục đích lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng là đúng quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2003 và điểm d khoản 1 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện Dự án, hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị Thuỳ (đại diện) bị ảnh hưởng giải toả một phần bởi dự án chỉnh trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 7D-II-B-d, tỉ lệ 1/500 do Công ty Địa chính Khánh Hoà thiết lập tháng 11/2001 (tương ứng một phần thửa số 174, tờ bản đồ số 02, bản đồ hiện trạng khu đất tỉ lệ 1/500 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thiết lập ngày 19/12/2013). Tổng diện tích: 45,9 m<sup>2</sup>; diện tích giải toả: 8,1 m<sup>2</sup>; diện tích còn lại: 37,8 m<sup>2</sup>.

Trước khi ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tiến hành việc khảo sát, đo đạc kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Như vậy, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3600/QĐ- UBND là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

## (2) Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 3634/QĐ-UBND:

Theo Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 697/XN-UBND ngày 22/12/2014 của UBND phường X xác nhận: Nguồn gốc đất sử dụng làm nhà ở từ năm 1968 đến nay, không tranh chấp. Căn cứ Điều 6 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 790/QĐ-UB ngày 03/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt giá đất bồi thường, giá giao đất ở tại khu tái định cư đối với dự án và Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc quy định bản giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hoà, ngày 19/8/2016 UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3634/QĐ-UBND, theo đó hộ gia đình được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 109.436.000 đồng và không xét tái định cư vì diện tích còn lại đủ điều kiện xây dựng nhà để ở.

Không đồng ý với quyết định phê duyệt phương án bồi thường trên, gia đình đã có đơn ngày 26/8/2016, ngày 12/9/2016 và 19/9/2016 kiến nghị về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình.

Ngày 30/9/2016, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án đã họp (đợt 103) xem xét nội dung đơn của hộ gia đình, theo đó đã “Giao cho tổ công tác kiểm tra, xác minh thời điểm xây dựng mái che và giếng nước (ngoài ranh giới thửa đất); kiểm tra thời điểm xây dựng, hiện trạng căn nhà bị giải toả một phần, báo cáo Hội đồng xem xét giải quyết”. Căn cứ kết quả xác minh của Tổ công tác, ngày 01/11/2016 Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Dự án đã họp (đợt 105) và thống nhất bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ gia đình. Ngày 18/01/2017, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND.

Như vậy, việc UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3634/ QĐ-UBND và Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 là đúng quy định.

(3) Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 11638/QĐ-UBND:

Ngày 22/9/2016, ông Tô Kim K, ông Tô Hùng K1 và bà Tô Thị Thu N có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3600/QĐ-UBND.

Ngày 10/11/2016, UBND thành phố N có Thông báo số 845/TB- UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 7915/QĐ- UBND về việc giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 07/10/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 5828/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại. Ngày 20/01/2017, Tổ xác minh đơn báo cáo kết quả thực hiện xác minh nội dung đơn khiếu nại và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố N xem xét, tổ chức đối thoại theo quy định. Ngày 08/3/2017, UBND thành phố N tổ chức đối thoại với hộ gia đình ông K, ông K1.

Ngày 24/3/2017, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 11638/ QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Kim K, ông Tô Hùng K1 và bà Tô Thị Thu N với nội dung: “Bác nội dung khiếu nại tại các mục 1, 2, 6 (đơn giá bồi thường thấp; mục đích thu hồi đất và yêu cầu bán một lô tái định cư) và công nhận nội dung đơn tại mục 3, 4, 5 (yêu cầu bồi thường hết vật kiến trúc trên đất, bổ sung tiền di chuyển, thuê nhà và giếng nước nằm ngoài ranh giới thửa đất nhưng do gia đình xây dựng từ năm 1968 nên đề nghị bồi thường”.

Qua rà soát hồ sơ, việc công nhận nội dung đơn tại mục 3, 4, 5 theo Quyết định số 11638/QĐ-UBND nêu trên đã được UBND thành phố N giải quyết tại Quyết định số 151/QĐ-UBND. Theo đó, hộ gia đình được bồi thường, hỗ trợ bổ sung với tổng số tiền 111.673.000 đồng cho các nội dung: Bồi thường toàn bộ nhà do ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực; bồi thường diện tích ốp men tường; bồi thường mái che và giếng nước nằm ngoài ranh giới thửa đất; hỗ trợ tiền thuê nhà; hỗ trợ tiền ổn định đời sống.

Như vậy, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 11638/QĐ- UBND ngày 24/3/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

(4) Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 1707/QĐ-UBND:

Ngày 23/8/201, UBND phường X tiến hành niêm yết công khai Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016. Ngày 23/8/2016, Ban có giấy mời nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; ngày 20/41/2017, Ban có giấy mời nhận tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

Trường hợp ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị Thuý (đại diện) nằm trong các trường hợp bị thu hồi đất nhưng không chấp hành bàn giao mặt bằng, mặc dù các hộ đã được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định; đã được UBND phường X và các đơn vị liên quan nhiều lần vận động nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng nhưng các hộ vẫn không chấp hành.

Thực hiện Thông báo số 184/UBND ngày 23/5/2013 của UBND tỉnh về việc kết luận của UBND tỉnh cho phép chủ trương cưỡng chế đối với các trường hợp không bàn giao mặt bằng, UBND thành phố N ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp để thực hiện Dự án, trong đó có Quyết định số 1707/QĐ-UBND. Đồng thời, ngày 07/8/2018 UBND thành phố N đã có văn bản số 5440/UBND-TNMT báo cáo UBND tỉnh Khánh Hoà xin chủ trương cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân không chấp hành giao trả mặt bằng để thực hiện Dự án.

Ngày 19/9/2018, UBND tỉnh Khánh Hoà ban hành Thông báo số 596/TB-UBND về kết luận của UBND tỉnh, theo đó: Thống nhất phương án cưỡng chế đối với 08/09 trường hợp thuộc dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X), thành phố Trang (trừ trường hợp lô đất do bà Đặng Thu Hiền và ông Nguyễn Trọng Á là đại diện đã bàn giao mặt bằng).

Như vậy, việc UBND thành phố N ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất nêu trên là đúng theo trình tự quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013.

UBND thành phố N xác định nhà và đất nêu trên là của cụ T và cụ C đã chết nên người thừa kế là đại diện. Ngày 15/10/2019, UBND thành phố N ban hành các Quyết định số 3145/QĐ-UBND, 3146/QĐ-UBND, 3147/QĐ-UBND và 3148/QĐ-UBND về việc điều chỉnh họ tên tại các quyết định thu hồi đất với nội dung: Điều chỉnh từ “ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện)” thành “hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); hộ ông Tô Kim K và hộ ông Tô Hùng K1 (đang quá lý, sử dụng)”.

Các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND thành phố N là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, UBND và Chủ tịch UBND thành phố N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

*3. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 71 và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Luật



Khiếu nại năm 2011.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Kim K về yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) đang sử dụng để thực hiện dự án Chinh trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) và Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc điều chỉnh đối tượng thu hồi đất tại Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) có đất bị thu hồi thuộc dự án Chinh trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) và Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc điều chỉnh họ và tên tại Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với các trường hợp thuộc dự án Chinh trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) và Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc điều chỉnh họ và tên tại Bảng tính phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung) ban hành kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Quyết định số 11638/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Kim K và ông Tô Hùng K1, bà Tô Thị Thu N (là người đại diện cho ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết), địa chỉ 7/3 N, tổ 02 D, phường X, thành phố N (lần đầu).

- Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) để thực hiện dự án Chinh trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) và Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc điều chỉnh họ và tên tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

#### *4. Kháng cáo:*

Ngày 25/10/2019, người khởi kiện là ông Tô Kim K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án không thỏa đáng về việc bồi thường, hỗ trợ khi giải tỏa nhà và đất của gia đình ông (UBND thành phố N tính tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư không đúng quy định của pháp luật; dự án nhằm mục đích kinh doanh, chủ đầu tư phải thỏa thuận về việc bồi thường đối với gia đình ông; diện tích đất còn lại của gia đình ông là 28,9 m<sup>2</sup>, gia đình ông có 10 nhân khẩu năm 2016 và đến nay là 12 nhân khẩu nên UBND thành phố N không giải quyết cho gia đình ông được hưởng chính sách về đất tái định cư...) làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Kèm theo Đơn kháng cáo, ông Tô Kim K có gửi Bảng kê các khoản chi bồi thường và hỗ trợ tái định cư mà theo ông thì UBND thành phố N tính còn thiếu, không tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

#### *5. Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện là ông Tô Kim K giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Đồng thời, ông K có giao nộp cho Hội đồng xét xử Đơn xin bổ sung tình tiết mới và một số tài liệu kèm theo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Kim K và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng có người vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, có người đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; do đó, việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng; thu thập, xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu làm căn cứ giải quyết vụ án và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Kim K là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Tô Kim K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không chứng minh được nội dung kháng cáo là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông Tô Kim K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung xác định mục đích thu hồi đất và yêu cầu hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND thành phố N:

Tại Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 “Về việc thu hồi đất đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết) đang sử dụng để thực hiện dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Côn Tân Lập, phường X”, UBND thành phố N đã căn cứ vào: Thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa “V/v Thông báo giải toả để xây dựng công trình Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Giai đoạn 1: Đoạn từ cầu Trần Phú đến cầu Hà Ra và cầu Xóm Bống)”, trong đó Khu tái định cư Côn Tân Lập là một trong ba hạng mục chính; Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa “Về việc thu hồi đất... để thực hiện dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Giai đoạn 1)”; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa “Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 06/8/2003...” và Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31/10/2006 của UBND tỉnh Khánh Hòa “Về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt dự án đầu tư: Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa”. Nội dung tại các Quyết định trên đều thể hiện việc UBND tỉnh Khánh Hòa triển khai các thủ tục để thực hiện dự án đầu tư chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo chủ trương đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt.

Trên cơ sở khảo sát, đo đạc, kiểm đếm của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trước khi ban hành quyết định thu hồi đất đã xác định: Diện tích 8,1 m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình cụ Tô Văn T (chết) và cụ Đoàn Thị C (chết) gồm một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 7D-II-B-d, tỷ lệ 1/500 do Công ty Địa chính Khánh Hoà thiết lập tháng 11/1998, được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) xác nhận tháng 6/2001 (tương ứng một phần thửa số 174, tờ bản đồ số 02, bản đồ hiện trạng khu đất tỉ lệ 1/500 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thiết lập ngày 19/12/2013) tại địa chỉ: 7/3 N, tổ 2 D, phường X nằm trong ranh giới, vị trí của Dự án nêu trên.

Do đó, tại Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016, UBND thành phố N đã quyết định thu hồi diện tích 8,1 m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình cụ Tô Văn T (chết) và cụ Đoàn Thị C (chết) với lý do: “Để thực hiện dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Côn Tân Lập, phường Xương Xuân)” là thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích công cộng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013: “Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chinh trang đô thị,...”; đồng thời đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuy nhiên tại Quyết định số 3600/QĐ-UBND này, UBND thành phố N có sai sót là chưa ghi đầy đủ tên của những người đại diện đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Do đó, ngày 15/10/2019 UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND về việc điều chỉnh đối tượng thu hồi đất tại Quyết định số 3600/QĐ-UBND và ngày 13/11/2019 ban hành Quyết định số 3430/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 3148/QĐ-UBND của UBND thành phố N. Cụ thể là đã điều chỉnh từ: “hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết)” thành: “hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); hộ ông Tô Kim K và hộ ông Tô Hùng K1 (đang quản lý, sử dụng)” là đã bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Kim K về việc hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 và Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND thành phố N là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc ông Tô Kim K kháng cáo cho là tại Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12/11/2012, Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 04/9/2015, Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 và Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 05/12/2016, UBND tỉnh Khánh Hòa đã giao đất cho dự án để xây dựng công trình thương mại dịch vụ, nhà đầu tư phân lô bán nền nhằm mục đích kinh doanh, chủ đầu tư phải thỏa thuận về việc bồi thường đối với gia đình ông nên ông K yêu cầu hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND thành phố N là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 và Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND thành phố N:

Nhà và đất tại 7/3 N là di sản của cụ Tô Văn T và cụ Đoàn Thị C để lại, không có tranh chấp nên các con của cụ T và cụ C là người thừa kế theo pháp luật; trong đó, hộ ông Tô Kim K và hộ ông Tô Hùng K1 đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K xác nhận do ông thường xuyên đi làm giờ hành chính nên mọi việc liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đều do ông K1 thực hiện và ông K1 có trao đổi lại toàn bộ sự việc với ông K. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K cũng xác định diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi đã được kiểm kê đầy đủ; việc kiểm kê có ông Tô Hùng K1 là em của ông tham gia, xác nhận.

Trên cơ sở kết quả kiểm kê tài sản tại Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường giải tỏa lập ngày 21/02/2014; Biên bản xác minh bổ sung ngày 26/3/2015 (có đại diện hộ gia đình là ông Tô Hùng K1 tham gia và ký vào biên bản - bút lục: 164, 165, 159); Biên bản xác minh bổ sung ngày 01/3/2016 (bút lục: 158) và xác nhận của UBND phường X về hộ khẩu, nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng đất, ngày 19/8/2016 UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 3634/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết). Theo đó, hộ gia đình cụ T, cụ C được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 109.436.000 đồng và không xét tái định cư vì sau khi thu hồi 8,1 m<sup>2</sup> đất, diện tích đất còn lại 37,8 m<sup>2</sup> đủ điều kiện xây dựng nhà ở.

Không đồng ý với Quyết định số 3634/QĐ-UBND nêu trên nên gia đình có đơn kiến nghị và đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xem xét, kiểm tra, xác minh lại. Căn cứ vào kết quả xác minh và ý kiến của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ngày 18/01/2017 UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với các trường hợp thuộc Dự án. Theo đó, hộ gia đình ông K, ông K1 được bồi thường, hỗ trợ bổ sung với tổng số tiền 111.673.000 đồng (Bồi thường toàn bộ nhà do ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực; diện tích ốp men tường; mái che và giếng nước nằm ngoài ranh giới thửa đất; hỗ trợ tiền thuê nhà và tiền ổn định đời sống cho 8 nhân khẩu).

Do đó, có đủ căn cứ xác định: Tại Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 19/8/2016, UBND thành phố N đã phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với một số nội dung chưa phù hợp và chưa đầy đủ. Tuy nhiên sau khi gia đình có kiến nghị thì UBND thành phố N đã kịp thời tổ chức việc kiểm tra, xem xét lại và đã ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung, khắc phục các nội dung chưa phù hợp, chưa đầy đủ của Quyết định số 3634/QĐ-UBND là đã bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông K, ông K1 khi Nhà nước thu hồi đất. Đồng thời, bảo đảm đúng với các quy định tại Điều 6, Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt giá đất bồi thường, giá giao đất ở tại khu tái định cư đối với Dự án; Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Tuy nhiên tại Quyết định số 3634/QĐ-UBND và Quyết định số 151/QĐ-UBND nêu trên, UBND thành phố N vẫn còn có sai sót là chưa ghi đầy đủ tên của những người đại diện đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Do đó, ngày 15/10/2019 UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 3147/QĐ-UBND về việc điều chỉnh họ và tên tại Quyết định số 3634/QĐ-UBND; Quyết định số 3146/QĐ-UBND về việc điều chỉnh họ và tên tại Bảng tính phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung) ban hành kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND thành phố N và ngày 13/11/2019 tiếp tục ban hành Quyết định số 3430/QĐ-UBND về việc đính chính tại các Quyết định số 3147/QĐ-UBND, 3146/QĐ-UBND cùng ngày 15/10/2019 của UBND thành phố N. Cụ thể là đã điều chỉnh từ: “hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết)”; ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) thành: “hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); hộ ông Tô Kim K và hộ ông Tô Hùng K1 (đang quản lý, sử dụng)” là đã bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, khi nhà nước thu hồi 8,1 m<sup>2</sup> đất của hộ ông Tô Văn T (chết) và bà

Đoàn Thị C (chết), hộ ông Tô Kim K và hộ ông Tô Hùng K1 đang quản lý, sử dụng đã được UBND thành phố N phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Kim K về việc hủy Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 19/8/2016, Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 và các Quyết định số 3147/QĐ-UBND, số 3146/QĐ-UBND cùng ngày 15/10/2019 của UBND thành phố N là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc ông Tô Kim K kháng cáo cho là tại các Quyết định nêu trên, UBND thành phố N đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không đầy đủ, không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông nhưng tại phiên tòa ông K không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 11638/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND thành phố N:

Ngày 22/9/2016, ông Tô Kim K, ông Tô Hùng K1 và bà Tô Thị Thu N có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3600/QĐ-UBND. Ngày 10/11/2016, Chủ tịch UBND thành phố N có Thông báo số 845/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn thực hiện việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 20/01/2017, Tổ xác minh báo cáo kết quả thực hiện việc xác minh nội dung đơn khiếu nại. Ngày 08/3/2017, Chủ tịch UBND thành phố N tổ chức đối thoại với người có khiếu nại. Trên cơ sở đó, ngày 24/3/2017 Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 11638/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Kim K, ông Tô Hùng K1 và bà Tô Thị Thu N với nội dung: Bác nội dung khiếu nại tại các mục 1,2,6 (đơn giá bồi thường thấp; mục đích thu hồi đất và yêu cầu bán một lô tái định cư) và công nhận nội dung khiếu nại tại mục 3,4,5 (yêu cầu bồi thường hết vật kiến trúc trên đất, bổ sung tiền di chuyển, thuê nhà và giếng nước nằm ngoài ranh giới thu hồi đất nhưng do gia đình xây dựng từ năm 1968 nên đề nghị bồi thường).

Qua rà soát việc công nhận nội dung khiếu nại tại các mục 3,4,5 của Quyết định số 11638/QĐ-UBND nêu trên thì thấy: Các nội dung này đã được UBND thành phố N giải quyết tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với các trường hợp thuộc dự án nêu trên. Cụ thể là, hộ gia đình đã được quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung với tổng số tiền 111.673.000 đồng, gồm các nội dung:

- Bồi thường toàn bộ nhà do ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực (*Nhà hai tầng, tường gạch chịu lực... Có ốp gạch men tường DT 10,2 m<sup>2</sup>. Nhà có sử dụng hệ thống điện nước. Đơn giá: 3.354.000đ x 103,5% = 3.471.390đ/m<sup>2</sup>XD*);

- Bồi thường diện tích ốp men tường;
- Bồi thường mái che và giếng nước nằm ngoài ranh giới thửa đất;
- Bồi thường di chuyển tại chỗ do tái định cư tại chỗ;
- Hỗ trợ tiền thuê nhà và hỗ trợ ổn định đời sống cho 8 nhân khẩu.

Như vậy, Quyết định số 11638/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND thành phố N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Kim K, ông Tô Hùng K1 và bà Tô Thị Thu N được ban hành bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại; nội dung đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Kim K về việc hủy Quyết định này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N:

Theo kết quả các phân tích, đánh giá tại các mục [1], [2], [3] nêu trên đã xác định các quyết định của UBND thành phố N về việc thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và quyết định của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại đối với gia đình ông K, ông K1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Ngày 20/11/2017, Ban bồi thường, hỗ trợ có giấy mời nhận tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung nhưng ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị Thủy không chấp hành bàn giao mặt bằng. Sau đó, UBND phường X, UBMTTQ Việt Nam phường X và các đơn vị có liên quan đã nhiều lần vận động gia đình nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng nhưng gia đình không chấp hành. Do đó, ngày 02/3/2018 UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1707/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết)”; ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) để thực hiện Dự án là đúng quy định tại Điều 71 của Luật đất đai năm 2013.

Tuy nhiên tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND nêu trên, UBND thành phố N lại ghi chưa đầy đủ tên của những người đại diện đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Do đó, ngày 15/10/2019 và ngày 13/11/2019, UBND thành phố N đã ban hành các Quyết định số 3145/QĐ-UBND và Quyết định số 3430/QĐ-UBND về việc điều chỉnh và đính chính họ tên tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N. Cụ thể là điều chỉnh từ: “hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết)”; ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) thành: “hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); hộ ông Tô Kim K và hộ ông Tô Hùng K1 (đang quản lý, sử dụng)” là đã bảo đảm đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu của ông Tô Kim K về việc hủy Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 và Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND thành phố N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Trên cơ sở những phân tích nêu trên và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Kim K về việc hủy các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND thành phố N về việc thu hồi đất; về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; về việc giải quyết khiếu nại và cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Tô Kim K kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không

đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Tô Kim K và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 71, 204 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

#### ***Tuyên xử:***

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Kim K về yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết) đang sử dụng để thực hiện dự án Chính trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) và Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc điều chỉnh đối tượng thu hồi đất tại Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) có đất bị thu hồi thuộc dự án Chính trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) và Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc điều chỉnh họ và tên tại Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với các trường



hợp thuộc dự án Chính trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) và Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc điều chỉnh họ và tên tại Bảng tính phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung) ban hành kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Quyết định số 11638/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Kim K và ông Tô Hùng K1, bà Tô Thị Thu N (là người đại diện cho ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết)), địa chỉ: 7/3 N, Tổ 02 D, phường X, thành phố N (lần đầu).

- Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Tô Văn T (chết) và bà Đoàn Thị C (chết); ông Tô Hùng K1 và bà Nguyễn Thị T (đại diện) để thực hiện dự án Chính trang đô thị xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư Cồn Tân Lập, phường X) và Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc điều chỉnh họ và tên tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Tô Kim K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000676 ngày 07/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tô Kim K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001051 ngày 19/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/9/2020.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Xuân Điền**